

PHỤ LỤC: CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2018)

1. Biên bản kiểm phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ
Mẫu A1-BBKP
2. Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ
Mẫu A2-BBHD
3. Thuyết minh nhiệm vụ (dùng cho cả tổ chức độc lập và liên danh)
Mẫu B1a-TMNV
4. Phiếu đánh giá thuyết minh nhiệm vụ
Mẫu B2a-ĐGTM
5. Phiếu đánh giá thuyết minh nhiệm vụ đối với liên danh
Mẫu B2b-ĐGTM
6. Biên bản họp Hội đồng đánh giá thuyết minh thực hiện nhiệm vụ
Mẫu B3-BBTD
7. Phiếu thẩm định kinh phí nhiệm vụ
Mẫu B3KP-PĐG
8. Biên bản họp Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ
Mẫu B3KP-BBTD
9. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì
Mẫu B4-HĐ
10. Báo cáo giữa kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ
Mẫu B5-BCĐG
11. Biên bản họp kiểm tra, đánh giá giữa kỳ
Mẫu B6-KTĐG
12. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
Mẫu C1-BCĐG
13. Văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của tổ chức chủ trì
Mẫu C2-ĐNNT
14. Phiếu dành cho thành viên Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ
Mẫu C3-PDGNT
15. Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ
Mẫu C4-BBNT
16. Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ
Mẫu C5-TLHD

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 20....
(Thuộc Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025)

Loại hình nhiệm vụ:

Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu:

Số TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng										Kết luận chung	
		Nội dung 1* ¹		Nội dung 2*		Nội dung 3*		Nội dung 4*		Nội dung 5*		Thực hiện	Không thực hiện
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt		
1													
2													
...												

Các thành viên Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)

Trưởng Ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

¹ *) Ghi chú: Biên bản này áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án bắt đầu thực hiện từ năm 2018. Nội dung đánh giá quy định tại Điều 7 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2018.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 20...**

(Thực hiện theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”)

Loại nhiệm vụ:

A. Những thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ/QĐ-BKHCN ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

2. Số lượng các đề xuất nhiệm vụ:

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

..., ngày... /.../20...

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà làm thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm :

....., Trưởng ban.

....., Thành viên,

....., Thành viên.

4. Một chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trình bày ý kiến đánh giá đề xuất nhiệm vụ do Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ cung cấp.

5. Hội đồng phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với (từng) đề xuất nhiệm vụ theo các các nội dung quy định tại Điều 7 của Quyết định số 2299/QĐ-BKH-CN ngày 21/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" (sau đây gọi là Quy định tạm thời).

6. Thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ về các nội dung trên. Tổng hợp kết quả đánh giá hội đồng trong Biên bản kiểm phiếu Mẫu A1-BBKP kèm theo.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu hội đồng thông qua kết quả đánh giá trong Phụ lục kèm theo.

7. Chủ tịch Hội đồng trình bày nội dung dự kiến của dự án cho những đề xuất nhiệm vụ được đánh giá “đề nghị thực hiện”.

8. Hội đồng thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi và các mục của nhiệm vụ theo các yêu cầu nêu tại Điều 5 của Quy định tạm thời và thống nhất thông qua từng mục nói trên.

9. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với nhiệm vụ thuộc Đề án.

10. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký Hội đồng
(*Họ, tên và chữ ký*)

Chủ tịch Hội đồng
(*Họ, tên và chữ ký*)

Phụ lục A2-BBHD
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 20.....
(Thuộc Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp
đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025)

I. Đề xuất nhiệm vụ “đề nghị thực hiện”*

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Ý kiến về nội dung đề xuất nhiệm vụ	Ghi chú
1	2	3	4
1			
2			
3			
...		

**) Đề xuất nhiệm vụ “đề nghị thực hiện” khi có trên $\frac{3}{4}$ tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”*

II. Đề xuất nhiệm vụ đề nghị “không thực hiện”

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Tóm tắt lý do đề nghị “không thực hiện”	Ghi chú
1	2	3	4
1			
2			
3			
...		

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI
KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025²**

1.1.	Tên tổ chức/liên danh	1.2.	Mã số
1.3.	Tên dự án		
1.4. Phương thức thực hiện			
<input type="checkbox"/> Độc lập		<input type="checkbox"/> Liên danh	
1.5. Phương thức khoán chi			
<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng		<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó: Kinh phí khoán: Kinh phí không khoán:	
2. Thông tin tổ chức/liên danh			
2.1. Thông tin của tổ chức chủ trì			
2.1.1. Tên tổ chức			
2.1.2. Lãnh đạo của tổ chức		Tên: Email: Điện thoại: Email:	
2.1.3. Chủ nhiệm dự án		Tên: Email: Điện thoại: Email:	
2.2. Thông tin của các tổ chức liên danh			
2.2.1. Tên tổ chức thứ nhất			
2.2.2. Lãnh đạo của tổ chức		Tên: Email: Điện thoại: Email:	
2.2.3. Trưởng nhóm tham gia		Tên: Email: Điện thoại: Email:	
2.2.1. Tên tổ chức thứ hai			
2.2.2. Lãnh đạo của tổ chức		Tên:	

² Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án bắt đầu thực hiện từ năm 2018.

	Email: Điện thoại: Email:
2.2.3. Trưởng nhóm tham gia	Tên: Email: Điện thoại: Email:
3. Mô tả ngắn gọn về dự án	
4. Đội ngũ nhân sự và chuyên gia	
5. Tổng quan nhu cầu thị trường	
6. Giải pháp <i>(Nêu rõ tính mới, nổi bật của dự án và tính khả thi của giải pháp)</i>	
7. Vai trò của các bên trong liên danh	

8. Các nội dung, hoạt động và kết quả triển khai (của từng đơn vị)
(*Nêu rõ nội dung và các hoạt động tương ứng tại mục 8.1, cần có số liệu mang tính định lượng ở phần giải thích để làm cơ sở cho dự toán*)

Ví dụ:

Nội dung 1: Nâng cao nhận thức về đổi mới sáng tạo cho lãnh đạo tại địa phương

Hoạt động 1: Tổ chức 10 lớp nâng cao nhận thức (cần chỉ rõ tại sao cần 10 lớp?)

Hoạt động 2: ...

8.1. Nội dung triển khai

8.2. Hoạt động

8.3. Giải thích

Nội dung 1

Hoạt động 1

Hoạt động 2

Hoạt động 3...

8.4. Kết quả của dự án

9. Tính bền vững của dự án

10. Hiệu quả mang lại và sự kết nối với các dự án khác trong hệ sinh thái

11. Kinh phí thực hiện dự án

11.1. Tổng kinh phí thực hiện dự án	
11.2. Kinh phí từ ngân sách nhà nước	
11.3. Kinh phí từ các nguồn khác	

CHỮ KÝ VÀ DẤU CỦA ĐƠN VỊ

Tên và chữ ký của lãnh đạo đơn vị	Tên: Chữ ký:
Con dấu	
Thời gian	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844³

(Thuộc Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp
đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025)

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

I. Nhận xét về tiêu chí bắt buộc

(đánh dấu X vào ô tương ứng)

	Đạt	Không đạt
1. Quy định về tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tại Mục II, Điều 1, Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 05 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 ⁴		
a) Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp		
b) Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;		
c) Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.		

³ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án. Tiêu chí bắt buộc (phần I) không áp dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 4, 5 Điều 1 Quyết định ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

⁴ Đối với các dự án về truyền thông, tổ chức tham gia đáp ứng tiêu chí b mục 1 dưới hình thức hỗ trợ truyền thông cho ít nhất 10 nhóm/doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đóng góp vào việc các nhóm/doanh nghiệp này sau đó gọi vốn được ít nhất 01 tỷ đồng;

2. Kết quả/sản phẩm đề xuất phù hợp với kết quả của nhiệm vụ quy định tại Phụ lục Danh mục nhiệm vụ thuộc Đề án 844 được ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BKH&CN ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Đề án.		
Kết luận Mục I		

II. Nhận xét, đánh giá nội dung thuyết minh

	Điểm	Điểm tối đa
1. Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức/cá nhân thực hiện dự án		20
- Kinh nghiệm của tổ chức thực hiện dự án <i>(Kinh nghiệm tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói chung và các hoạt động như đề xuất dự án, quy mô và hiệu quả của các hoạt động đó)</i>		10
- Kinh nghiệm của cá nhân chủ trì thực hiện dự án <i>(Kinh nghiệm tổ chức các hoạt động như đề xuất dự án, quy mô và hiệu quả của các hoạt động đó)</i>		5
- Năng lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực của đối tác, nhân sự tham gia thực hiện nhiệm vụ		5
2. Đánh giá chất lượng của dự án		50
- Quy mô thị trường của dự án <i>(dung lượng thị trường, khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước)</i>		10
- Tính mới, nổi bật của dự án so với các dự án đã (đang) triển khai trên thị trường		10
- Khả năng đáp ứng của dự án với nhu cầu thị trường <i>(tính khách quan, toàn diện, cập nhật trong phân tích nhu cầu của đối tượng tác động; tính khả thi, thống nhất và phù hợp với thực tiễn thể hiện trong mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ)</i>		10
- Mức độ phù hợp của kế hoạch triển khai dự án <i>(tính logic về hoạt động và thời gian, tính hợp lý của việc phân công các thành viên tham gia triển khai dự án; phương thức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, khối lượng sản phẩm và báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ; cách thức chuyển giao, công bố, khai thác sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ)</i>		10
- Mức đáp ứng giữa năng lực của cá nhân/tổ chức với việc triển khai dự án để đạt được kết quả, sản phẩm dự kiến <i>(tính khả thi giữa kết quả/sản phẩm dự kiến và khả năng thực hiện của chủ nhiệm dự án, các cán bộ thực hiện dự án, nhóm chuyên gia tham gia thực hiện dự án)</i>		10

3. Mức độ liên kết với các thành phần khác của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		10
<p>- Phương án phối hợp với các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác khi tham gia và hoàn thành dự án</p> <p><i>(đánh giá nội dung và hình thức hợp tác để tổ chức thực hiện dự án và mức độ cam kết phối hợp, liên kết sau khi dự án hoàn thành; mức độ liên kết, hợp tác, khai thác sử dụng chuyên gia, dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở phạm vi quốc gia, quốc tế.</i></p> <p><i>Đối với loại hình dự án hỗ trợ hoạt động, đào tạo, nâng cao năng lực: đánh giá thêm về mức độ liên kết với các đơn vị hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực khác để bảo đảm nguồn sinh viên/nhóm/doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu vào cũng như đầu ra của dự án)</i></p>		5
<p>- Phương án kết hợp với các dự án khác thuộc Đề án, liên kết với Công thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia</p> <p><i>(nội dung, hình thức hợp tác với các dự án khác thuộc Đề án trong phạm vi cả nước; nội dung, hình thức hợp tác với đơn vị triển khai dự án Công thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác quốc gia)</i></p>		5
4. Mức độ ảnh hưởng của đề xuất đến cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam		20
<p>- Số lượng đối tượng thụ hưởng sau khi kết thúc dự án</p>		10
<p>- Tác động của dự án đối với các đối tượng được thụ hưởng, với kinh tế-xã hội.</p> <p><i>(Đánh giá phương pháp đo lường mức phản hồi của đối tượng thụ hưởng với dự án và kết quả phản hồi của đối tượng thụ hưởng; vai trò của đối tượng thụ hưởng và khả năng làm lan tỏa của đối tượng thụ hưởng với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói riêng, phát triển kinh tế xã hội nói chung)</i></p>		10
Tổng điểm		100

III. Kiến nghị: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1. Dự kiến kinh phí cần thiết triệu đồng
 - 1.2. Phương thức thực hiện:
 - 1.2.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2.2. Khoán từng phần
 - 1.3. Thực hiện với các điều chỉnh dưới đây

- 2. Không thực hiện vì lý do:
 - 2.1. Không đáp ứng được tiêu chí bắt buộc của Đề án (Kết quả mục I)
 - 2.2. Tổng điểm của dự án (kết quả mục II) thấp hơn 70 điểm⁵.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Vận dụng quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 05 năm 2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN LIÊN DANH THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844⁶
(Thuộc Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp
đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025)

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
Tên tổ chức:	
Họ và tên cá nhân:	

I. Nhận xét về tiêu chí bắt buộc

(Các tiêu chí được xét dựa trên tổng hợp năng lực của Liên danh đánh dấu X vào ô tương ứng)

	Đạt	Không đạt
1. Quy định về tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tại Mục II, Điều 1, Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 05 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 ⁷		
a) Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp		
b) Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;		
c) Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.		
2. Kết quả/sản phẩm đề xuất phù hợp với kết quả của nhiệm vụ quy định tại Phụ lục Danh mục nhiệm vụ thuộc Đề án 844 được ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng thuộc Đề án.		

⁶ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

⁷ Đối với các dự án về truyền thông, liên danh tham gia đáp ứng tiêu chí b mục 1 dưới hình thức hỗ trợ truyền thông cho ít nhất 10 nhóm/doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đóng góp vào việc các nhóm/doanh nghiệp này sau đó gọi vốn được ít nhất 01 tỷ đồng;

Kết luận Mục I**II. Nhận xét, đánh giá nội dung thuyết minh**

	Điểm	Điểm tối đa
1. Kinh nghiệm và năng lực của tổ chức/cá nhân thực hiện dự án		20
- Kinh nghiệm của tổ chức thực hiện dự án <i>(Kinh nghiệm tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói chung và các hoạt động như đề xuất dự án, quy mô và hiệu quả của các hoạt động đó)</i>		10
- Kinh nghiệm của cá nhân chủ trì thực hiện dự án <i>(Kinh nghiệm tổ chức các hoạt động như đề xuất dự án, quy mô và hiệu quả của các hoạt động đó)</i>		5
- Năng lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực của đối tác, nhân sự tham gia thực hiện nhiệm vụ		5
2. Đánh giá chất lượng của dự án		40
- Tính mới, nổi bật của dự án so với các dự án đã (đang) triển khai trên thị trường		10
- Khả năng đáp ứng của dự án với nhu cầu thị trường <i>(dung lượng thị trường, tính khách quan, toàn diện, cập nhật trong phân tích nhu cầu của đối tượng tác động; tính khả thi, thống nhất và phù hợp với thực tiễn thể hiện trong mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện nhiệm vụ)</i>		10
- Mức độ phù hợp của kế hoạch triển khai dự án <i>(tính logic về hoạt động và thời gian, tính hợp lý của việc phân công các thành viên tham gia triển khai dự án; phương thức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, khối lượng sản phẩm và báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ; cách thức chuyển giao, công bố, khai thác sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ)</i>		10
- Mức đáp ứng giữa năng lực của cá nhân/tổ chức với việc triển khai dự án để đạt được kết quả, sản phẩm dự kiến <i>(tính khả thi giữa kết quả/sản phẩm dự kiến và khả năng thực hiện của chủ nhiệm dự án, các cán bộ thực hiện dự án, nhóm chuyên gia tham gia thực hiện dự án)</i>		10
3. Mức độ liên kết với các thành phần khác của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		20
- Mức độ đóng góp của các đơn vị tham gia trong liên danh <i>(Các đơn vị tham gia trong liên danh đều cần có sự đóng góp đáng kể và ý nghĩa trong việc thực hiện dự án, các đơn vị cần được phân công nhiệm vụ rõ ràng phù hợp với thế mạnh của mình)</i>		10

<p>- Phương án phối hợp với các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác khi tham gia và hoàn thành dự án</p> <p><i>(đánh giá nội dung và hình thức hợp tác để tổ chức thực hiện dự án và mức độ cam kết phối hợp, liên kết sau khi dự án hoàn thành; mức độ liên kết, hợp tác, khai thác sử dụng chuyên gia, dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở phạm vi quốc gia, quốc tế.</i></p> <p><i>Đối với loại hình dự án hỗ trợ hoạt động, đào tạo, nâng cao năng lực: đánh giá thêm về mức độ liên kết với các đơn vị hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực khác để bảo đảm nguồn sinh viên/nhóm/doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu vào cũng như đầu ra của dự án)</i></p>		5
<p>- Phương án kết hợp với các dự án khác thuộc Đề án, liên kết với Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác quốc gia</p> <p><i>(nội dung, hình thức hợp tác với các dự án khác thuộc Đề án trong phạm vi cả nước; nội dung, hình thức hợp tác với đơn vị triển khai dự án Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác quốc gia)</i></p>		5
<p>4. Mức độ ảnh hưởng của đề xuất đến cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam</p>		20
<p>- Số lượng đối tượng thụ hưởng sau khi kết thúc dự án</p>		10
<p>- Tác động của dự án đối với các đối tượng được thụ hưởng, với kinh tế-xã hội.</p> <p><i>(Đánh giá phương pháp đo lường mức phản hồi của đối tượng thụ hưởng với dự án và kết quả phản hồi của đối tượng thụ hưởng; vai trò của đối tượng thụ hưởng và khả năng làm lan tỏa của đối tượng thụ hưởng với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói riêng, phát triển kinh tế xã hội nói chung)</i></p>		10
Tổng điểm		100

III. Kiến nghị: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1. Dự kiến kinh phí cần thiết triệu đồng
 - 1.2. Phương thức thực hiện:
 - 1.2.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2.2. Khoán từng phần
 - 1.3. Thực hiện với các điều chỉnh dưới đây

- 2. Không thực hiện vì lý do:
 - 2.1. Không đáp ứng được tiêu chí bắt buộc của Đề án (Kết quả mục I)
 - 2.2. Tổng điểm của dự án (kết quả mục II) thấp hơn 70 điểm⁸.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

⁸ Vận dụng quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 05 năm 2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 20...⁹
*(Thuộc Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp
đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025)*

1. Tên nhiệm vụ:
- Mã số:..... (nếu có)
- Thuộc: Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025
2. Cơ quan chủ trì:
3. Quyết định thành lập Hội đồng:/QĐ-BKHCN ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên/.....người. Vắng mặtngười, gồm các thành viên:

A. Nhận xét về nội dung (Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong thuyết minh chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

⁹ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

.....
.....
.....
.....
.....

B. Kiến nghị:

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng;

2. Phương thức thực hiện:

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngàytháng.....năm..... và các thành viên thẩm định nhất trí thông qua./.

Thư ký Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**PHIẾU THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844**

1. Tên nhiệm vụ:

.....
.....Mã số..... (nếu có)

2. Tổ chức chủ trì:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Họ và tên người thẩm định:

Học hàm, học vị:

Chuyên môn đào tạo:.....

Cơ quan công tác:

5. Ngày nhận hồ sơ thẩm định: ngày.....tháng năm 20....

A. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của thuyết minh và dự toán

1. Đủ điều kiện thẩm định:

2. Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

.....
.....

B. Nhận xét chi tiết về dự toán kinh phí: (Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)

1. Ý kiến nhận xét:

.....
.....
.....

2. Dự kiến kinh phí:

a) Công lao động:, trong đó:

- Ngân sách nhà nước:

- Ngoài ngân sách nhà nước:

e) Chi khác:, trong đó:

- Ngân sách nhà nước:

- Ngoài ngân sách nhà nước:

C. Kiến nghị:

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước: triệu đồng;

b) Ngoài ngân sách nhà nước: triệu đồng.

2. Phương thức thực hiện:

2.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng (trong đó kinh phí thuê chuyên gia:).

2.2 Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán:triệu đồng, trong đó:

+ Trả công lao động trực tiếp:triệu đồng

+ Chi khác:triệu đồng

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán:triệu đồng.

....., ngày tháng năm

Thành viên Tổ thẩm định

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/đề án:

.....
.....
.....

Mã số (nếu có)

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia
 - Độc lập:
 - Dự án KH&CN:
 - Khác:

2. Cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:

- Thời gian: giờ, ngày tháng năm

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:

.....

6. Đại biểu tham dự:

B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định: (thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)

C. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Nội dung chuyên môn:

1.1. Mục tiêu chính của nhiệm vụ (*Ghi cụ thể*):

1.2 Các nội dung chính (*Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện*):

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung:

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm (*Ghi cụ thể các sản phẩm chính*):

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:.... tháng:

2. Về kinh phí thực hiện:

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

(*Bằng chữ*: đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung Các khoản chi	Kinh phí NSNN		Ghi chú
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông, chuyên gia)			
2	Chi khác:			
	Tổng cộng			

2.3. Nhận xét chi tiết về dự toán kinh phí: (Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)

- Chi phí lao động:

- Chi khác

D. Kiến nghị:

1. Phương thức thực hiện:

Khoán đến sản phẩm cuối cùng

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán: triệu đồng;

- Kinh phí không khoán: triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc giờ, ngày tháng năm và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng

Thư ký

Tổ phó

Thành viên

Thành viên

Thành viên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN.....

Số:

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Quyết định số 2299/QĐ-BKHCHN ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2018;

Căn cứ (Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ này)

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà
- Chức vụ: làm đại diện.
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ):

-
- Do Ông/Bà:
 - Chức vụ: làm đại diện.
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Email:.....
 - Số tài khoản:
 - Tại:

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện.... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ "... " theo các nội dung trong Thuyết minh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là tháng, từ tháng..... năm 20.....đến tháng ... năm 20.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức: Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là (bằng chữ)

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
- b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;
- c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);
- d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh;
- e) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;
- f) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;
- g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;
- b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;
- c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ;
- d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

f) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

g) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện và gửi cho Bên A để tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

i) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

k) Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước¹⁰ tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc ...¹¹ tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu

^{10, 2, 3, 4} Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

⁵ Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

3. Đối với nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước¹² tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc¹³ tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng¹⁴

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)¹⁵.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

¹⁵ Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng này được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ... bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu – nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025¹⁶

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Thuộc: Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Quyết định số ...:

Bắt đầu:

Kết thúc:

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ:

<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			

¹⁶ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

3			
...			

2. Về số lượng, khối lượng sản phẩm:

3. Về tiến độ thực hiện:

4. Về tình hình sử dụng kinh phí:

5. Về hiệu quả và lợi ích của nhiệm vụ:

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người hoặc tổ chức khác trái với quy định của pháp luật./.

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ
HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025¹⁷

Tên nhiệm vụ:

Mã số/số Hợp đồng

Thuộc: Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm:

Ngày tháng kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá:

1. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Đơn vị quản lý nhiệm vụ:

.....

- Đơn vị quản lý kinh phí:

.....

- Đơn vị quản lý chuyên môn:

.....

- Thành phần khác:

.....

2. Thành phần khác:

.....

II. Đại diện Tổ chức chủ trì:

Lãnh đạo:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Các thành viên tham gia:

.....

.....

III. Tài liệu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ chuẩn bị cho kiểm tra, đánh giá:

1. Báo cáo tiến độ thực hiện

¹⁷ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

2. Các kết quả đã thực hiện được.

3. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.

IV. Nội dung kiểm tra, đánh giá:

1. Về nội dung và tiến độ thực hiện (nội dung và các sản phẩm):

- Nội dung, sản phẩm đã hoàn thành theo Báo cáo của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ (so sánh với tiến độ đã ghi trong các phụ lục của Hợp đồng).

- Xem xét những nội dung đã thực hiện đối với các sản phẩm chưa hoàn thành

.....
.....
.....

2. Về sử dụng kinh phí:

- Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm kiểm tra

+ Số kinh phí được cấp từ ngân sách sự nghiệp khoa học đến ngày báo cáo/tổng kinh phí được cấp

+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng, thanh toán tương ứng nội dung công việc:.....

.....
+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng nhưng chưa thanh toán (tạm ứng):.....
.....

+ Số kinh phí đã sử dụng từ nguồn khác:

+ Kinh phí đề nghị chuyển sang năm sau (nếu có):

- Tình hình mua sắm, sử dụng trang thiết bị phục vụ nghiên cứu của nhiệm vụ (nếu có)

.....
.....

- Kiểm tra chứng từ, xác nhận kinh phí thực chi và quyết toán (sẽ được kiểm tra và xác nhận cụ thể sau)

V. Các ý kiến trao đổi giữa thành viên đoàn kiểm tra, đánh giá với Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Các ý kiến của thành viên đoàn kiểm tra, đánh giá:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Ý kiến giải trình và kiến nghị của Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia thực hiện

.....
.....
.....
.....
.....

VI. Kết luận của đoàn kiểm tra, đánh giá

1- Về nội dung và tiến độ thực hiện:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI
MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025¹⁸

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

.....
.....

Thuộc: Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

.....
.....
.....
.....

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Quyết định số...:

Bắt đầu:

Kết thúc:

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ:

<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			

¹⁸ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

3			
...			

2. Về số lượng, khối lượng sản phẩm:

3. Về chất lượng sản phẩm:

4. Về tiến độ thực hiện:

5. Về tình hình sử dụng kinh phí:

6. Về hiệu quả và lợi ích của dự án:

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người hoặc tổ chức khác trái với quy định của pháp luật./.

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....
V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm
thu nhiệm vụ thuộc Đề án 844

....., ngày tháng năm 201...

Kính gửi: (Tên Bộ chủ trì nhiệm vụ)

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (gọi tắt là Đề án 844) bắt đầu thực hiện từ năm 2018,

..... (Tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ) đề nghị (Bộ chủ trì nhiệm vụ) xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án 844 sau đây:

Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp quốc gia, gồm:

1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
2. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.
3. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...) của nhiệm vụ (nếu có).
4. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ (bản gốc) đầy đủ tài liệu kể trên;
- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không cài đặt bảo mật).

Đề nghị (Bộ chủ trì nhiệm vụ) xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm

thu kết quả nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201.....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ
NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2025¹⁹**

1. Thông tin chung về nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ:
- Mã số nhiệm vụ:
- Thuộc Đề án: Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia (*chức danh khoa học, học vị*):
- Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày ... tháng năm 201...

3. Đánh giá:

A. Đánh giá báo cáo tổng hợp:

- Xuất sắc: Báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu
- Đạt: Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện
- Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

B. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm

STT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng sản phẩm					Ghi chú (Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)
		Theo thuyết minh	Thực tế đạt được	Đánh giá của chuyên gia			
				Đạt	Xuất sắc	Không đạt	

¹⁹ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCHN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

1	Sản phẩm thứ 1						
2	Sản phẩm thứ 2						
...						

C. Đánh giá về chất lượng sản phẩm

STT	Tên sản phẩm	Chất lượng				Ghi chú (Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)	
		Theo thuyết minh	Thực tế đạt được	Đánh giá của chuyên gia			
				Đạt	Xuất sắc		Không đạt
1	Sản phẩm thứ 1						
2	Sản phẩm thứ 2						
...						

D. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ nghiệm thu:

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

4. Xếp loại nhiệm vụ (đánh dấu X vào ô tương ứng phù hợp):

• **Xuất sắc:**

Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên

• **Đạt yêu cầu:**

+ Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.

+ Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).

+ Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên

• **Không đạt:** không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

5. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN 844

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
THUỘC ĐỀ ÁN “HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025”²⁰**

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Địa điểm và thời gian họp nghiệm thu:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

3. Số đại biểu tham dự họp nghiệm thu:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
...		

II. Nội dung đánh giá nghiệm thu

1. Mục tiêu chính nhiệm vụ:

²⁰ Áp dụng đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 1 Quyết định số 2299/QĐ-BKHCN ngày 21/8/2017 ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ Đề án.

2 Các nội dung thực hiện nhiệm vụ:

a. Triển lãm (số lượng, quy mô, địa điểm)

b. Hội thảo khoa học (số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức):

c. Khảo sát, công tác trong nước, ngoài nước (Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm):

d. Hợp tác quốc tế (Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm):

e. Nội dung khác:

3. Danh mục sản phẩm đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			

4. Tiến độ và thời gian thực hiện:..... tháng:

C. Kết luận, kiến nghị:

Thư ký Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN.....

Số:

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BKHCHN ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định tạm thời xử lý hồ sơ tham gia Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” bắt đầu thực hiện từ năm 2018;

Căn cứ (Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ này)

Căn cứ Hợp đồng ²¹.....số.....ngày.....

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A) là: (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng KH&CN được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là: (Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ):

.....

- Do Ông/Bà:

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:.....

- Số tài khoản:

- Tại:

²¹ Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

Cùng thoả thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng.....²²
số.....ngày(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

Đối với trường hợp nhiệm vụ hoàn thành

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện nhiệm vụ “.....”²³, theo các nội dung trong Thuyết minh được Bên A phê duyệt và các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là ... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng ... năm 20...

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ ngày....tháng.....năm 20.....(Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh nhiệm vụ và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số (Kèm theo Danh mục liệt kê).

Đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện nhiệm vụ “.....”, theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ được Bên A phê duyệt và các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là ... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng ... năm 20...

2. Nhiệm vụ “....” được xác nhận là không hoàn thành (Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ ở mức không đạt).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của nhiệm vụ phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành (Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).

Điều 2. Xử lý tài chính của nhiệm vụ

Đối với nhiệm vụ hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là:.....triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:... triệu đồng.

Đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là: triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là: triệu đồng;

²² Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

²³ Ghi tên của nhiệm vụ

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:..... triệu đồng

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:.... triệu đồng (*Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả*)

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước
(Kèm theo tài liệu xác nhận)

Điều 3. Xử lý tài sản của nhiệm vụ (*áp dụng cho nhiệm vụ hoàn thành và không hoàn thành*)

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả của nhiệm vụ (*Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.*)

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu – nếu có)